

MỘT VÀI ĐẶC ĐIỂM NỀN KINH TẾ HÀNG HÓA Ở VIỆT NAM THỜI PHÁP THUỘC (1858 - 1945)

Ngô Minh Sang^{1*}-Nguyễn Thị Hồng Nhung^{2*}

Tóm tắt: Những năm gần đây, nghiên cứu về kinh tế Việt Nam thời Pháp vẫn còn là chủ đề được nhiều giới khoa học quan tâm. Dưới góc nhìn lịch sử, bài viết sử dụng phương pháp lịch sử kết hợp với phương pháp phân tích định tính trình bày những nhân tố định hình, quá trình hình thành và đặc điểm của nền kinh tế hàng hóa Việt Nam thời Pháp thuộc. Trên cơ sở đó, bài viết nhận xét một vài điểm tích cực và hạn chế của nền kinh tế cũng như chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Từ khóa: Đặc điểm, kinh tế hàng hóa, Pháp thuộc

1. Giới thiệu

Trong khoảng thời gian Pháp đặt ách cai trị, nền kinh tế Việt Nam vẫn có sự phát triển trong đó có nền kinh tế hàng hóa, song sự phát triển trên chỉ mang tính chất nhỏ giọt, bộc lộ nhiều mặt hạn chế nhất định. Từ trước khi Pháp xâm chiếm, Việt Nam đã có sự xuất hiện của loại hình kinh tế hàng hóa nhưng chỉ với quy mô nhỏ theo hướng tự cung tự cấp. Sau khi thiết lập quyền cai trị, thực dân Pháp đã tiến hành cơ cấu lại toàn bộ nền kinh tế đồng thời thiết lập các mối quan hệ buôn bán trên tất cả các loại sản phẩm.

Ngoại thương là một trong những hoạt động của tư bản Pháp sớm có mặt ở Việt Nam. Năm 1860, Pháp bắt đầu tuyên bố mở cửa biển nhằm cho các tàu buôn Pháp được phép tự do ra vào cảng Sài Gòn, từ đây đã đánh dấu mốc cho việc chấm dứt thời kỳ của chính sách “bế quan tỏa cảng” của triều đình nhà Nguyễn. Tiếp theo, vào năm 1862, chính quyền Pháp tiến hành cho phép mở cửa biển ở Đà Nẵng và năm 1885 là cửa biển Hải Phòng. Dấu hiệu trên cho thấy kinh tế hàng hóa ở Việt Nam thời thuộc địa bắt đầu có nhiều chuyển biến qua các thuyền buôn người Trung Quốc, Anh, Hà Lan, Ấn Độ,...

Nền kinh tế mới được hình thành ở Việt Nam thời thuộc địa với tên gọi là “nền kinh tế hàng hóa” chứa đựng những yếu tố kinh tế khác nhau cùng với đó là vai trò của nó cũng không giống nhau. Tuy nhiên, sự ra đời của bộ phận kinh tế hiện đại trong tổng thể nền kinh tế Việt Nam không làm mất đi tính truyền thống mà phần nào vẫn còn mang đậm những đặc trưng của các phương thức sản xuất

^{1*} Thạc sĩ, Trường Đại học Thủ Dầu Một. Email: sangnm@tdmu.edu.vn

^{2*} Thạc sĩ, Trường Chính trị tỉnh Phú Yên.

cổ truyền. Chính quyền thực dân Pháp ngày càng mạnh tay trong việc rót vốn đầu tư vào những trung tâm thương mại ở Việt Nam, trong đó có thể kể đến là Sài Gòn – Gia Định ở Nam Kỳ, Hà Nội ở Bắc Kỳ.

2. Các nhân tố định hình nền kinh tế hàng hóa Việt Nam

Chính sách độc chiếm thị trường Việt Nam của chính quyền thực dân Pháp

Sau khi thiết lập quyền cai trị, chính quyền thực dân Pháp thực hiện chính sách độc chiếm thị trường Việt Nam. Thực dân Pháp nhận thấy thị trường Việt Nam là một thị trường đầy tiềm năng và cũng hết sức năng động, phát triển nhất là ở khu vực Nam Bộ. Chính sách độc chiếm thị trường chính là chiếc chìa khóa vàng giúp cho chính quyền Pháp và tư bản Pháp có được những điều kiện hết sức thuận lợi dễ dàng để từng bước đi đến thâm nhập sâu vào thị trường và đây cũng là con đường nhanh nhất để Pháp có thể nhúng tay can thiệp và chi phối phần lớn những thành phần kinh tế của Việt Nam (Nguyễn Văn Khánh, 1999; Nguyễn Thế Anh, 2008).

Bên cạnh ban hành chính sách độc chiếm thị trường, chính quyền Pháp vẫn cho đầu tư và khuyến khích phát triển các ngành kinh tế quan trọng, mang lại lợi nhuận cao. Điều này hoàn toàn phù hợp với chính sách khai thác thuộc địa của Thực dân Pháp “phát triển công nghiệp theo hướng không cạnh tranh, không hại cho nền kỹ nghệ của chính quốc”.

Với chính sách trên, Pháp thu tóm toàn bộ nền kinh tế ở Việt Nam. Chính quyền Pháp đã rất thành công trong công cuộc biến Đông Dương trở thành thuộc địa khai khẩn bậc nhất, đồng thời vẫn đảm bảo nguồn lợi nhuận cao nhất cho chính quốc. Hành động của Paul Doumer được Jean Chesneaux đánh giá cao trong quyển *Đóng góp vào lịch sử dân tộc Việt Nam*, ông viết: “Chính ông đã đưa chế độ thuộc địa từ giai đoạn kinh nghiệm của chủ nghĩa hầu như “thủ công” sang giai đoạn tổ chức hệ thống. Chính ông đã tạo dựng bộ máy thống nhất về bóc lột tài chính và đàn áp chính trị trong thực tế sẽ được duy trì nguyên vẹn đến tận năm 1945”. Đánh giá trên càng khẳng định Pháp muốn biến Việt Nam trở thành thị trường tiêu thụ hàng hóa và đầu tư cho vay nặng lãi; khuếch trương sức ảnh hưởng của thực dân Pháp.

Chính sách đồng hóa thuế quan trong lĩnh vực thương mại

Để hoàn thiện chế độ thuế quan, Pháp đã phải mất đến 41 năm chuyển từ chế độ độc quyền thuế quan được Pháp ban hành vào năm 1887 và từng bước điều chỉnh cho đến năm 1928 thì chế độ đồng hóa thuế quan cơ bản được hoàn thiện. Chính sách đồng hóa thuế quan được Pháp áp dụng rộng rãi trong lĩnh vực thương mại. Do tác động của chính sách tăng cường khai thác thuộc địa nên các

hoạt động kinh doanh nhất là lĩnh vực xuất – nhập khẩu có chiều hướng tăng khá mạnh. Ở Nam Kỳ, ngày 20/6/1921, Toàn quyền Đông Dương Pháp đã ban hành quyết định thành lập các Sở Thương mại (Lê Hữu Phước, 2013). Thông qua đó, các trụ Sở Thương mại đóng vai trò khuyến khích buôn bán sản phẩm giữa các địa phương thông qua các khu hội chợ. Theo từng giai đoạn nhất định mà tỷ lệ thu thập từ thuế khóa trên đã phần nào phản ánh lên được nguồn vốn đầu tư của Pháp và trình độ phát triển kinh tế khác nhau giữa các khu vực trong toàn xứ Đông Dương. Đa phần các mặt hàng nông sản được tập trung thu mua với giá rẻ nhưng lại xuất khẩu với giá thành rất cao.

Với chính sách trên chỉ ưu tiên cho các mặt hàng hoặc hàng hóa của Pháp nếu nhập khẩu sang Việt Nam thì hoàn toàn không phải chịu bất kỳ một loại thuế quan nào, tức là được miễn thuế. Trong khi đó, các loại hàng hóa từ các nước khác xuất nhập vào Đông Dương thì đều phải nộp thuế giống như là nhập khẩu vào Pháp. Một điều rõ ràng chính sách đồng hóa thuế quan hoàn toàn phục vụ cho chính lợi ích của Pháp tạo điều kiện thuận lợi trước là cho chính quyền Pháp sau là các tư bản Pháp có thể cạnh tranh tất cả các loại hàng hóa so với các loại hàng hóa của các nước khác, về lâu dài Pháp có thể giữ được vị trí độc quyền ngay trên chính thị trường của Việt Nam (Nguyễn Văn Khánh, 1999, tr.44-45).

Chính sách hệ thống tài chính – tiền tệ và phát hành đồng Đông Dương

Bên cạnh chế độ đồng hóa thuế quan trong lĩnh vực thương mại, chính quyền thực dân Pháp cũng ban hành đồng loạt các cải cách trong hệ thống tài chính, tiền tệ điển hình là chính sách “Liên hợp tiền tệ” quy định đối với đồng Phrăng của Pháp được phép lưu hành một cách hợp pháp trên chính thị trường Việt Nam. Tham vọng của Pháp là phải gấp rút đẩy mạnh đầu tư và phát triển kinh tế nên đã cho thiết lập ngay hệ thống ngân hàng (Nguyễn Văn Khánh - chủ biên, 1999, tr.43-44).

Ngày 21/1/1875, Tổng thống Pháp đã ra sắc lệnh thành lập Ngân hàng Đông Dương và đặt trụ sở ở Paris. Đặc trưng nhất trong chính sách trên là việc ban hành đồng Đông Dương chủ yếu là để kết nối đồng Đông Dương vào khu vực tiền phrăng, giúp Pháp dễ dàng nắm độc quyền trong việc phát hành giấy bạc cũng như nhanh chóng nắm giữ vị trí độc quyền về kinh doanh. Bối cảnh trên cho thấy trong khi đồng tiền của Việt Nam truyền thống chỉ còn giữ vai trò thứ yếu thì trái lại đồng tiền phương Tây lại càng ngày trở thành đồng tiền được phổ biến rộng rãi và được đưa vào sử dụng chính thức. Về lâu dài càng làm cho nền kinh tế Việt Nam ngày một phụ thuộc sâu hơn vào trong nền kinh tế của Pháp.

3. Quá trình hình thành nền kinh tế hàng hóa Việt Nam

Các mặt hàng công nghiệp của Pháp thâm nhập sâu vào thị trường Việt Nam đã bóp chết rất nhiều ngành nghề thủ công. Trong tác phẩm “Nông thôn Việt Nam thời kỳ cận đại” đăng trên tạp chí Nghiên cứu lịch sử về vấn đề phát triển nền kinh tế hàng hóa ở nông thôn Việt Nam đã tác động làm tan rã nền kinh tế tự nhiên vốn có nhưng lại không mang đến việc xây dựng nên một nền kinh tế mới ở Việt Nam. Còn trong quyển *Lịch sử Đông Nam Á* của Lương Ninh, Đỗ Thanh Bình, Trần Thị Vinh xét trên góc độ nhìn nhận khách quan đã đưa ra nhận định về sự biến đổi kinh tế ở khu vực Đông Nam Á trong đó có Việt Nam thời thuộc địa: “Về khía cạnh kinh tế, chủ nghĩa thực dân có đầu tư và khai thác trong đó chính quyền Pháp đầu tư cả về cơ sở vật chất như cơ sở hạ tầng, hòa nhập với thị trường thế giới tạo cơ sở để sau này Đông Nam Á có bước đệm phát triển...”, những lợi ích từ mặt tích cực hoàn toàn nằm ngoài ý muốn chủ quan của chính quyền Pháp (Văn Ngọc Thành, Trần Anh Đức, 2009, tr.2).

Phương thức cai trị thuộc địa của thực dân Pháp là sử dụng một cách hỗn tạp mọi biện pháp thống trị dã man nhất của các nhà nước chủ nô, phong kiến và tư bản. Nhưng xét về mặt khách quan thì nó đã du nhập vào các nước châu Á lạc hậu một phương thức sản xuất mới... Giai cấp tư sản dân tộc ra đời trong điều kiện lịch sử ấy mang theo những đặc điểm riêng, vừa tiếp nhận, vừa chống ảnh hưởng phương Tây (Văn Ngọc Thành, Trần Anh Đức, 2009, tr.44). Thời điểm bộ phận tư sản Việt Nam ra đời gắn liền với hoạt động đầu tư phát triển kinh tế của chính quyền Pháp, về sau một số công ty thương nghiệp, hội công thương Việt Nam cũng xuất hiện trong số này chỉ có số ít là tồn tại thời gian dài điển hình là công ty thương mại Bạch Thái Bưởi. Vào các năm 1914 – 1929, chính là thời kỳ “vàng” về sự vươn lên phát triển điển hình trong vòng mười năm số lượng người Việt Nam tham gia kinh doanh đã tăng lên ở ngưỡng 1,32 lần (Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Lan Dung, 2006, tr.72).

Phương thức tư bản chủ nghĩa càng làm thu hẹp khoảng cách và dần làm phá vỡ quan hệ sản xuất phong kiến đã có từ trước. Được phản ánh rõ nét nhất qua hai cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 – 1914) và cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919 – 1929) đã làm phá vỡ kết cấu kinh tế cổ truyền Việt Nam dẫn đến sự hình thành ngày càng mở rộng của các thành phần kinh tế mới mang bản chất của chủ nghĩa tư bản.

Như vậy, trong thời kỳ này có sự tồn tại đan xen của hai phương thức sản xuất tư bản và phong kiến. Thực dân Pháp sử dụng hai phương thức trên như một công cụ đắc lực để duy trì phương thức bóc lột phong kiến hạn chế đến mức tối đa việc sử dụng các phương tiện hiện đại thay vào đó là sử dụng đội ngũ nhân

công với giá thành rẻ mạt. Đây chính là cách mà chính quyền Pháp cho là vừa ít tốn thời gian, vốn đầu tư cũng như về chi phí sản xuất sản phẩm mà vẫn đảm bảo được mức lợi nhuận hằng năm cho chính quốc.

Nếu xét theo góc độ khách quan thì phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được chính quyền thực dân Pháp du nhập vào Việt Nam đã làm cho nền kinh tế có sự chuyển biến nhất định từ một nền kinh tế thuần nông mang tính tự cung tự cấp sang nền kinh tế thuộc địa tư bản chủ nghĩa. Việc sử dụng phương thức kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa đã tạo ra bước phát triển của lực lượng sản xuất dẫn đến sự ra đời của nền kinh tế hàng hóa ở một số khu vực sản xuất. Đây cũng chính là cơ hội thông các hoạt động kinh tế với nước ngoài đã phần nào đưa nền kinh tế Việt Nam vươn ra khỏi phạm vi của một nước hội nhập sâu rộng với thế giới. Nét đặc trưng trong tổng thể cơ cấu kinh tế Việt Nam lúc bấy giờ là sự đan xen giữa yếu tố kinh tế truyền thống và yếu tố kinh tế hiện đại mang tính hỗn hợp đan xen nhau nổi bật là bộ phận kinh tế hiện đại đóng vai trò chi phối đến bộ phận kinh tế truyền thống và toàn bộ nền kinh tế Việt Nam thời kỳ này.

4. Đặc điểm của nền kinh tế hàng hóa Việt Nam thời Pháp thuộc

Kinh tế hàng hóa Việt Nam chịu sự chi phối từ bộ phận tư bản nước ngoài

Vào khoảng cuối thế kỉ XIX, khi nền đô hộ của Pháp đã thiết lập trên toàn cõi Đông Dương thì Việt Nam đã chính thức trở thành một thị trường độc chiếm sản phẩm của chính quyền thực dân Pháp. Từ đây, các thương gia người Pháp đã lập tại các thành phố lớn kể cả ở các thị trấn, trong đó sức tập trung nhiều nhất là ở Sài Gòn. Đồng thời, các kỹ nghệ gia người Pháp cũng đã tiến hành đầu tư xây dựng các nhà máy lớn như: nhà máy xi măng, nhà máy giấy, nhà máy thuốc lá, nhà máy đường (Huỳnh Thế Du, Nguyễn Minh Kiều, tr.2-3). Bên cạnh đó, một số nhà tư sản người Pháp còn cho thành lập các đồn điền trồng các loại cây công nghiệp mang lợi nhuận cao như cao su, cà phê, chè,... Đa phần các hoạt động kinh tế của người Pháp ở Đông Dương được bành trướng và được chính quyền Pháp cùng với các tư bản người Pháp vạch kế hoạch nhằm khai thác những tiềm năng ở Việt Nam trong đó Pháp rất chú trọng đến việc phát triển loại hình kinh tế hàng hóa hay còn gọi là thương mại sau nông nghiệp.

Chính vì lẽ đó, Pháp tiến hành cho trùng tu và mở rộng các cảng lớn là huyết mạch trong việc luân chuyển hàng hóa phục vụ cho xuất – nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam với các nước trong và ngoài khu vực trong đó có cảng Sài Gòn, cảng Hải Phòng cùng với đó là việc xây dựng các cơ sở vật chất khác của guồn máy thuộc địa đòi hỏi chính quyền Pháp phải chi trả một khối tiền tệ cao.

Khoảng thời gian từ năm 1924 cho đến năm 1939, chỉ xét trên lĩnh vực thương mại thì mức đầu tư của tư bản Pháp vào lĩnh vực này đã đạt con số lên đến 421 triệu frăng tức chiếm gần khoảng 5,6% tổng số vốn đầu tư của bộ phận tư nhân người Pháp và được thể hiện rất rõ nét thông qua các hoạt động xuất - nhập khẩu với chính n trên các nước thuộc địa mà Pháp đô hộ.

Kinh tế tư bản trong nước ngày càng phát triển chi phối mạnh mẽ đến kinh tế hàng hóa Việt Nam, Quá trình xâm nhập của công nghiệp tư bản Pháp đã mang lại nguồn lợi nhuận tối đa cho các nhà tư bản Pháp. Mặc dù, không nhằm vào việc phát triển kinh tế của nước thuộc địa nhưng vô tình sự hiện diện của một nền công nghiệp hiện đại đã mang đến sự ảnh hưởng rất lớn góp phần làm tăng năng lực sản xuất công nghiệp ở Việt Nam, không dừng lại ở đó sự xâm nhập của tư bản Pháp đã mang đến các loại sản phẩm mới, phương pháp sản xuất mới thúc đẩy bộ sự hình thành khu vực sản xuất công nghiệp của các tư bản người Việt (Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Thị Quý, 2006, tr.297-300). Mặc dù vậy, tuy nhiên số lượng tư sản dân tộc trong lĩnh vực kinh tế hàng hóa tức thương nghiệp còn rất ít. Cho đến đầu năm 1940, tổng số vốn của các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam chỉ chiếm khoảng 1% tổng số vốn. Hầu như việc kinh doanh ở thị trường nội địa phần lớn đều nằm gọn trong tay của tư bản nước ngoài trong đó Pháp đã tiến hành độc quyền trên cả ba loại sản phẩm chính là rượu, muối và thuốc phiện.

Các bộ phận kinh tế chủ đạo của nền kinh tế hàng hóa Việt Nam: bộ phận kinh tế của tư sản người Âu; bộ phận kinh tế của tư sản người Việt Nam; bộ phận kinh tế của tư bản người Hoa.

Các thương gia người Pháp đã có mặt các thành phố lớn và các thị trấn, mật độ tập trung cao nhất là ở thành phố Sài Gòn, tại đây họ cho xây dựng những nhà máy xí nghiệp lớn chuyên làm về xi măng, giấy, thuốc lá, tơ sợi, đường, rượu. Ngoài ra, bộ phận khác còn thành lập các đồn điền lớn trồng cao su, cà phê, chè,... (Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Thị Quý, 2006).

Quá trình can thiệp từ phía các tư bản người Pháp và cả những tư bản người Âu đã có tác động rất lớn đến nền kinh tế của Việt Nam mang đến một diện mạo mới cho nền kinh tế của một nước bản địa đó là sự du nhập những phương pháp kỹ thuật tiến bộ từ châu Âu được Pháp cho áp dụng vào các ngành kinh tế truyền thống ở Việt Nam trong đó có ngành dệt, nấu rượu,... Ngoài những ngành kinh tế chủ đạo thì còn có sự xuất hiện của các ngành kinh tế mới như: điện nước, ngân hàng góp phần tạo ra một cơ cấu kinh tế chung rất đa dạng nhưng cũng mang tính mất thăng bằng trong tổng quan chung của nền kinh tế.

Đối với bộ phận kinh tế tư sản người Việt Nam, tuy gặp nhiều khó khăn từ hàng loạt những chính sách chèn ép từ phía chính quyền Pháp một cách dữ dội song trong điều kiện khắt nghiệt như thế nền công thương nghiệp của người Việt Nam vẫn có những chuyển biến mới mang tính khởi sắc để nâng cấp được vị trí kinh tế trên thị trường và cũng là để chống lại các thế lực tư bản từ bên ngoài. Chủ yếu các hoạt động công thương nghiệp của người Việt Nam hầu như đều bị gắn chặt vào những chính sách mà Pháp đưa ra và có cả sự chi phối tác động từ yếu tố hoàn cảnh lịch sử.

Chính vì thế, có rất nhiều tư sản người Việt mặc dù có vốn trong tay nhưng không thể lấn sân cạnh tranh với các tư sản nước ngoài vì thế họ buộc phải hoạch định lại chiến lược kinh doanh khác theo hướng cho vay lấy lãi theo năm hoặc theo quý sau đó lấy tiền cho vay đổ dồn vào mua ruộng để canh tác và thu tô hằng năm hoặc theo hình thức mới là làm thầu khoán. Xét về mặt tổng thể so với những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đây được xem là mốc phát triển mạnh nhất của tư sản Việt Nam nói cách khác là bộ phận kinh tế tư sản dân tộc, họ hoạt động trên nhiều lĩnh vực kinh tế khác nhau mặc dù còn chịu sự kìm kẹp của Pháp, giữa những người tư sản Việt Nam đã có sự liên kết cùng nhau xây dựng và phát triển một nền kinh tế của người Việt (Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Thị Quý, 2006).

Ở khu vực phía Nam, từ đầu thế kỷ XX, dưới sức ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản du nhập vào Việt Nam cùng với đó là phong trào “chấn hưng thực nghiệp” phát triển khá mạnh mẽ và rầm rộ. Đây chính là cơ hội cho sự ra đời của một số các công ty lớn như: Nam Kỳ Minh Tân công nghệ, Mỹ Tho Minh Tân Túc Mễ tổng cuộc, Nam Kỳ thương cuộc,... Tư sản người Việt Nam ở Nam Kỳ bắt đầu có mặt trong nhiều lĩnh vực kinh doanh, giao thông vận tải, xay xát lúa gạo, sản xuất giấy, sản xuất xà phòng, làm thủy tinh, dệt, gốm sứ,... (Lê Hữu Phước, 2013) Mặc dù trên thực tế, thực lực kinh tế của các tư sản người Việt thời kỳ này còn chưa đủ mạnh và còn chịu sự khống chế của tư bản Pháp. Vì vậy, sự ra đời của các doanh nghiệp, doanh nhân đầu tiên ở Nam Kỳ chính là dấu hiệu tích cực đánh dấu bước chuyển biến sâu sắc trong hoạt động kinh tế theo xu hướng tiếp cận với thị trường kinh tế thế giới cũng như khẳng định bản lĩnh làm ăn của các tư sản người Việt Nam khi có điều kiện thuận lợi.

Trong bối cảnh trên, thủ công nghiệp vẫn là lĩnh vực mà người Việt Nam muốn hướng đến. Ngoài ra, các sản phẩm được làm ra từ chăn nuôi và đánh bắt cũng chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu hàng hóa giao thương giữa các vùng miền trong cả nước. Bên cạnh các sản phẩm là nông sản thì còn có các sản phẩm

thủ công của các địa phương rất đa dạng và mẫu mã, chủng loại cũng được đưa ra trao đổi rộng rãi giữa các khu vực với nhau trong đó có thể kể đến là vải lụa (Hà Đông, Nam Định), gốm sứ (Bát Tràng, Hà Nội), chiếu cói (Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình),... Xét về quy mô kinh doanh thương mại thuộc loại chịu thuế thì ở cả hai vùng Bắc Bộ và Nam Bộ có tới 124 hộ kinh doanh vào năm 1938. Về nội thương, việc kinh doanh ở thị trường nội địa đa phần nằm gọn trong tay của tư bản nước ngoài, Pháp chính là một trong số những tư bản đóng vai trò chi phối và thực hiện chế độ độc quyền trên ba loại sản phẩm đánh thuế nặng vào mặt hàng muối, rượu và thuốc phiện.

Bên cạnh tư bản người Pháp, có phần lớn tư bản người Hoa được ưu tiên hơn trong ngoại thương. Bộ phận kinh tế tư bản người Hoa hoạt động kinh tế chủ yếu là thương nghiệp và chiếm đa phần phải kể đến là đại thương hoặc trung thương (Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Lan Dung, 2006, tr.2). Vào năm 1929, số tiền môn bài của người Hoa chiếm khoảng 20,7% tiền môn bài của cả thành phố. Đối với đại bộ phận tư bản người Hoa, buôn bán hàng hóa thông qua kinh tế hàng hóa là hình thức kinh doanh chính yếu, nhất là đối với các mặt hàng được nhập khẩu từ Trung Quốc thì các thương nhân người Hoa giữ vai trò độc quyền (E.H. Schneider, 1929, tr.67).

Các mặt hàng xuất khẩu của người Âu được chính những thương nhân người Hoa buôn hàng để bán lại cho các tiểu thương gia người Việt nhằm tạo ra tính cạnh tranh với các thương nhân người Pháp. Theo một tác giả người Pháp, ở Hà Nội và Hải Phòng đã có đến bốn, năm trăm Hoa kiều lập hội buôn. Ở đây họ bỏ ra những món tiền lớn dùng để nhập cảng rượu, đồ hộp, chủ động giành lấy về mình các hoạt động thương mại ở các tỉnh đồng bằng tạo ra sự cạnh tranh với chính các nhà buôn người Pháp. Ở Nam Kỳ, nhiều thương nhân người Hoa đảm nhận vai trò xuất khẩu các mặt hàng nông sản, một vài người Hoa cho xây dựng các khu nhà máy từ đây thì một số các nghề mới đã có đóng góp về mặt kỹ thuật. Từ đầu thế kỉ XX, các loại hàng hóa của người Trung Hoa đã có mặt ở khắp nơi trên vùng đất Nam Kỳ.

Mục đích của tư bản Pháp là sử dụng người Hoa nhằm tạo ra sự lũng đoạn trên thị trường nội địa và cả các hoạt động xuất khẩu. Điều này được phản ánh qua cách nhìn nhận của một học giả người Pháp J.P.Aumiphin: “Tư bản Trung Hoa có đại diện rất mạnh trong việc buôn bán gạo, trong cả việc nhập khẩu vải bông và một phần khá lớn việc buôn bán lẻ ở Nam Kỳ tập trung trong tay người Hoa” (Lê Hữu Phước, 2013, tr.144).

Vai trò của bộ phận kinh tế tư sản người Hoa rất rộng trên các lĩnh vực khác nhau bao gồm nông nghiệp, công nghiệp chế biến chế tạo, hoạt động khai mỏ và cả ngoại thương ở các nước Đông Nam Á trong đó có Việt Nam thời kỳ thuộc địa. Với sức ảnh hưởng chi phối trên nhiều lĩnh vực của tư bản người Hoa, tác giả Trần Khánh đã đưa ra một vài nhận định về tầm quan trọng của người Hoa trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa như sau: “cùng với tư bản phương Tây, tư bản người Hoa đã đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành cơ cấu kinh tế và chủ nghĩa tư bản dạng thuộc địa tại các nước Đông Nam Á” (Trần Khánh, 1993).

Ngoài các công ty thương mại của tư bản Pháp thì còn có sự xuất hiện những cửa hàng buôn bán người Hoa theo nhận xét của J.P.Aumiphin: “Toàn bộ thương mại của thuộc địa với Singapore và Trung Hoa đều nằm trong tay người Trung Hoa, về nhập khẩu cũng như xuất khẩu...(Lê Hữu Phước, 2013, tr.143-144). Chỉ cần nhìn vào chi tiết các bảng của Phòng thương mại Sài Gòn để nhận thấy rằng những số tiền lớn tương ứng các sản phẩm như lúa, gạo, thuộc phiện, tơ, chè đều qua tay của người Hoa...”. Người Hoa là thành phần giữ vai trò quan trọng trong hầu hết các hoạt động xuất nhập khẩu cũng như mua bán ở khu vực nội địa, khu vực Đông Nam Á thời bấy giờ. Do đó, ở nhiều thành phố lớn của Việt Nam thời kỳ này có sự xuất hiện của các khu phố người Hoa.

Bộ phận kinh tế tư sản người Hoa chính là rào cản lớn nhất đến các hoạt động thương mại bao gồm buôn bán, vận chuyển hay xuất khẩu đều bị người Hoa tìm cách chặn đường triệt để. Đây chính là nguyên nhân vì sao trong lĩnh vực thương nghiệp, tư sản người Việt Nam không chỉ phải gồng mình chống lại tư bản người Pháp mà bên cạnh đó còn phải đối mặt với lực lượng cạnh tranh không kém phần tư bản Pháp chính là giới tư sản người Hoa. Trong giai đoạn này, đa phần các hoạt động từ buôn bán thóc gạo, xay xát, vận chuyển và xuất nhập khẩu nhìn chung đều bị tư sản người Hoa tiến hành lũng đoạn. Vai trò của bộ phận tư sản Hoa – Kiêu trong việc nhập cảng cũng như tiêu thụ lượng lớn hàng hóa nội địa.

Sự xuất hiện của các yếu tố mới trong nền kinh tế hàng hóa

Nền kinh tế hàng hóa Việt Nam thời Pháp thuộc có xu hướng phát triển gắn liền với cơ cấu kinh tế, từng bước được đa dạng hơn trước được biểu hiện qua số lượng hàng hóa ngày càng được trao đổi nhiều hơn đồng thời quy mô sản xuất cũng ở mức tăng nhanh trên tổng thể kinh tế hàng hóa ở Việt Nam. Tuy nhiên, ở mỗi khu vực có quy mô và phương thức sản xuất khác nhau nhưng về mặt tổng quan thì vẫn chỉ ở phạm vi nhỏ lẻ. Trong giai đoạn này có nhiều yếu tố mới tạo ra tính thuận lợi thúc đẩy quá trình giao thương nhưng chưa thực sự xây dựng một

nền kinh tế hàng hóa (Nguyễn Văn Khánh – chủ biên, 1999; Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Thị Quý, 2006; Huỳnh Thế Duy, Nguyễn Minh Kiều).

Xét về độ tiềm năng của thị trường Việt Nam thời thuộc địa thì chỉ có Hà Nội là năng động nhất. Mặc dù thị trường Hà Nội được đánh giá cao gắn liền với nhiều vai trò cũng như chức năng khác nhau nhưng đa phần các hoạt động ngoại thương của người Việt Nam đều rơi vào tình trạng bị thắt chặt trong mối quan hệ với Pháp và càng không thể thoát khỏi các thuộc địa của Pháp. Đối với thị trường Việt Nam, chính quyền thực dân Pháp thực hiện việc kiểm soát rất chặt chẽ và gắt gao trong các khâu sản xuất, phân phối, quản lý về giá cả thông qua đó cho thấy Pháp muốn dần thực hiện đồng bộ hóa chế độ độc quyền trên cả ba phạm trù trên.

Tính phát triển không đồng đều của nền kinh tế hàng hóa theo từng vùng ở Việt Nam thời Pháp thuộc

Tính mất cân đối được thể hiện rất rõ rệt giữa các vùng miền trên đất nước Việt Nam. Trong đó, ở khu vực miền Bắc và miền Nam ít nhiều kinh tế vẫn có sự dao động ở mức trung bình khá, còn ở khu vực miền Trung trừ một số tỉnh thành mang tính chuyển động đi lên như: Đà Nẵng, Vinh,... còn lại đa phần vẫn duy trì ở mật độ kém cỏi trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu. Dưới tác động từ chính sách khai thác thuộc địa của Pháp đã tạo ra sự chênh lệch rất lớn về mặt dân số theo đó thì số dân thành thị chiếm đa số luôn ở mức tăng vọt nhất là ở những thành phố lớn của cả nước trong đó có Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Sài Gòn – Chợ Lớn.

Nếu vào những năm 20 thế kỷ XX, số dân thành thị chiếm khoảng 3,6% thì đến những năm 30 con số trên đã dao động ở mức từ 8% đến 10% riêng ở khu vực Sài Gòn – Chợ Lớn số dân thành thị đã chiếm tới 14%. Từ sự phân tích về mật độ dân số ở mức không đồng đều giữa các khu vực và sự chuyển biến về sự mất cân đối mà trước hết là ở các vùng đô thị năng động tiêu biểu như khu vực Sài Gòn – Chợ Lớn, ở các khu công – thương nghiệp lớn như: Hải Phòng, Quảng Ninh, Nam Định luôn đóng vai trò quan trọng trong việc giao lưu trao đổi hàng hóa diễn ra rất tấp nập.

Ngược lại, đối lập hẳn với bức tranh phố thị hàng hóa lưu thông xuyên suốt thì ở các vùng nông thôn đặc biệt là nông thôn miền núi nền kinh tế còn gặp nhiều hạn chế và không có sự hiện diện của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa do đó gần như tại những khu vực này vẫn còn giữ nguyên vẹn tính chất phong kiến lạc hậu cả về cách thức canh tác và phương thức sản xuất. Hoạt động

kinh tế nông nghiệp của đa phần người nông dân Việt Nam còn mang nặng tính chất tự cung tự cấp ngoại trừ một số vùng ở Nam Bộ.

Ở các tỉnh thành phía Nam, kinh tế hàng hóa có phần phát triển mạnh hơn so với khu vực miền Bắc và miền Trung. Riêng ở nhiều khu vực miền núi do nằm xa khu đô thị, gặp nhiều trắc trở về mặt giao thông đã ít nhiều mang đến sự lạc hậu trong nền kinh tế nhất là ở một số vùng miền núi phía Bắc, Trung Bộ số lượng dân tộc miền núi còn nhiều, đa phần họ sống chủ yếu theo phương thức du canh, du cư. Sự phát triển chênh lệch không chỉ dừng lại ở các vùng miền trên đất nước mà nó còn thể hiện cả tính mất cân đối trong toàn bộ nền kinh tế của cả nước, chính quyền thực dân Pháp chỉ chú trọng đầu tư mở rộng ngành khai mỏ và xoáy sâu vào công nghiệp chế biến để đáp ứng mục đích lợi nhuận của tư bản Pháp dẫn đến thực trạng là quá trình tư bản hóa diễn ra một cách chậm chạp xuyên suốt thời thuộc địa do đó mà nông nghiệp Việt Nam về cơ bản vẫn còn lạc hậu, yếu kém.

Đặc điểm nổi bật của toàn bộ cơ cấu kinh tế Việt Nam trong thời kỳ này cũng như thời thuộc địa là sự phát triển mất cân đối gắn liền với một nền nông nghiệp nặng nề, cố hủ đặt cạnh nền công thương nghiệp còn khá mong manh, yếu ớt và có phần phát triển chậm chạp (Nguyễn Văn Khánh – chủ biên, 1999, tr.126-127). Xét trên tổng thể bất cứ ngành sản xuất thậm chí ngành kinh tế nào cũng phát triển theo hướng mất cân đối. Sau quá trình đô hộ Việt Nam có thể nhận ra được rằng chính hàng hóa của thực dân Pháp đã làm tác nhân làm chuyển biến tính chất và trình độ nền kinh tế của Việt Nam trong thời kỳ thuộc địa. Có thể thấy rằng dưới ảnh hưởng của chính sách độc quyền đã làm cho ngoại thương Việt Nam thời thuộc địa có bước phát triển rõ nét song vẫn còn mang đậm tính chất lệ thuộc vào chính quyền Pháp.

5. Kết luận

Như vậy với sự ra đời của nền kinh tế hàng hóa đã tác động sự thay đổi toàn diện nền kinh tế Việt Nam thời Pháp thuộc; sức ảnh hưởng của yếu tố này được thể hiện rõ trong khu vực kinh tế truyền thống và sự xuất hiện của các ngành kinh tế hiện đại. Nền kinh tế hàng hóa đã thúc đẩy nền nông nghiệp chuyển biến và gắn liền với thị trường tiêu thụ. Nền kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ I đến năm 1945 đã có nhiều sự biến đổi sâu sắc và chuyển biến rõ rệt, nổi bật nhất là khu vực kinh tế đồn điền. Việc áp dụng các công cụ nông nghiệp được cải tiến kết hợp với phương tiện kỹ thuật, phân bón hóa học trong đó máy móc cũng bắt đầu được đưa vào nhằm phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Trong khu vực kinh tế truyền thống, kinh tế nông nghiệp luôn giữ vai trò quan trọng hàng đầu (Nguyễn Văn Khánh – chủ biên, 1999, tr.123-124). Thời kỳ này, diện tích đất canh tác ngày càng được mở rộng mức tăng từ 3,1 triệu ha vào năm 1913 đến năm 1931 con số đạt 4,3 triệu ha và đến năm 1943 là 4,7 triệu ha. Xét về mặt cơ cấu cây trồng có phần bớt đi tính độc canh thay vào đó là tăng cường các loại cây hoa màu, cây công nghiệp điển hình là cây cao su. Một nét nổi bật khác chính là quá trình tập trung ruộng đất diễn ra một cách đều đặn và liên tục tiêu biểu nhất đó là sự thiết lập rộng rãi của các đồn điền. Bên cạnh đó, còn có sự xuất hiện của một số loại sản phẩm được làm ra từ nông nghiệp như các loại gỗ và ngư nghiệp. Những loại sản phẩm được làm ra từ nông nghiệp hầu hết đều được Pháp tận dụng làm hàng hóa phục vụ đặc lực cho việc xuất khẩu. Các sản phẩm nông sản được làm ra từ nông nghiệp chính là nguồn hàng hóa xuất khẩu chủ yếu trong giai đoạn này.

Ngoài ra nền kinh tế hàng hóa tác động đến ngành công – thương nghiệp, việc Pháp bỏ vốn đầu tư vào các ngành công nghiệp, thương nghiệp và hệ thống giao thông vận tải trong đó đáng chú ý nhất là việc Pháp cho trùng tu kết hợp với mở rộng hệ thống cảng Sài Gòn, cho xây dựng những cơ sở vật chất khác từ guồng máy thuộc địa luôn phải có sự luân chuyển của những khối tiền tệ lớn (Huỳnh Thế Du, Nguyễn Minh Kiều). Khu vực kinh tế công – thương nghiệp lại tiếp tục được mở rộng và phát triển. Những doanh nghiệp cũ ở Việt Nam đã tiến hành mở rộng quy mô sản xuất sau quá trình tích lũy tư bản và cũng từ đây thì một số doanh nghiệp mới đã được ra đời.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. E.H. Schneider (1929), *Annuaire statistique*, Hà Nội.
2. Huỳnh Thế Du, Nguyễn Minh Kiều, *Hệ thống tài chính Việt Nam*, Chương trình giảng dạy kinh tế, tài chính phát triển. (năm xb. ?)
3. Jean – Pierre Aumiphin, *Sự hiện diện tài chính và kinh tế của Pháp ở Đông Dương (1858 – 1939)*, Hội khoa học lịch sử Việt Nam. (Năm xb. ?)
4. Lê Hữu Phước (2013), “Nhận diện di sản kinh tế thời thuộc địa ở Nam Kỳ”, Tạp chí phát triển Khoa học và Công nghệ, tập 16, số X3 – 2013.
5. Lương Ninh (chủ biên – 2008), *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.
6. Nguyễn Thế Anh (2008), *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, NXB. Văn học.

7. Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Thị Quý (chủ biên – 2006), *Giáo trình Lịch sử kinh tế*, NXB. Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
8. Nguyễn Văn Khánh (chủ biên – 1999), *Cơ cấu kinh tế Việt Nam thời thuộc địa (1858 – 1945)*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Nguyễn Văn Khánh, Tạ Kim Thanh, “Mấy nhận xét về kinh tế hàng hoá ở Hà Nội thời Pháp đô hộ và tạm chiếm”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 368 (năm ?)
10. Trần Khánh (chủ biên – 1993), *Vai trò của người Hoa trong nền kinh tế Đông Nam Á*, NXB. Đà Nẵng.
11. Văn Ngọc Thành, Trần Anh Đức, “Nghiên cứu ở Việt Nam về sự biến đổi của kinh tế các nước Đông Nam Á thời thuộc địa”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, (Số ?) 2009.